**PHỤ LỤC**

**Phụ lục 1: Danh mục các bảng, biểu tính chi phí**

**Bảng 1: Ước tính chi phí xây dựng thông tư và hội thảo phổ biến,   
tập huấn chính sách**

| **STT** | **Mô tả** | **Đơn vị** | **Dữ liệu** | **Chú thích** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***I. Chi phí soạn thảo và ban hành Thông tư*** | | | | |
|  | **Tổng chi phí dự thảo và ban hành Thông tư= 1\*2+3** | **VNĐ** | **128.083.636** |  | |
| 1 | Thời gian soạn thảo, thẩm tra, thẩm định một Thông tư | Giờ | 3.240 | Giả định: CP-cán bộ soạn thảo (5), Bộ ngành góp ý (25); địa phương & CQ khác (10)  Giả định: CP-cán bộ soạn thảo (3 tháng x 160h), Bộ ngành, địa phương (3 ngày x 8h) | |
| 2 | Chi phí một giờ của công chức nhà nước | VNĐ | 30.273 | Nghị định 204/2004/NĐ-CP và Nghị quyết 86/2019/QH14 về dự toán ngân sách nhà nước. Tính theo mức lương của viên chức loại A1, bậc 4 (hệ số 3.33): 5.328.000đ, tính cho 22 ngày đi làm/tháng (đã trừ ngày nghỉ) và 8 giờ làm/ngày. | |
| 3 | Kinh phí định mức phân bổ cho dự thảo Thông tư | VNĐ | 30.000.000 | Dựa trên định mức xây dựng Thông tư quy định tại | |
| ***II*** | ***Chi phí tổ chức các hội thảo phổ biến văn bản QPPL*** | | | |
|  | **Tổng chi phí tổ chức các hội thảo phổ biến văn bản QPPL= 1\*2** | **VNĐ** | **280,000,000** |  | |
| *1* | *Chi phí tổ chức 01 hội thảo phổ biến cho 100 người trong 01 ngày* | *VNĐ* | *70.000.000* | Kinh phí tổ chức được xây dựng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị. | |
| *2* | *Số lần tổ chức* | *Lần* | *4* |  | |

**Bảng 2: Tổng chi phí tăng cường vi chất dinh dưỡng theo Phương án 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chi phí** | **Số tiền (đồng)** |
| **1** | **Chi phí tăng lên do tiêu thụ muối và bột mì có tăng cường vi chất toàn quốc trong 1 năm:** lượng muối, bột mì và sản phẩm từ bột mì tiêu thụ bình quân đầu người theo các nhóm tuổi/năm x chênh giá thành muối (200đ/1kg), bột mì tăng cường vi chất (170đ/1kg) với bột mì không tăng cường vi chất x dân số theo các nhóm tuổi năm 2022 (1=1.1+1.2) | **159.455.674.902,4** |
| 1.1 | Bột mì | 108.099.306.662,3 |
| 1.2 | Muối | 51.356.368.240,1 |
| **2** | **Chi phí xây dựng văn bản quy chuẩn kỹ thuật (1văn bản)** | **128.083.636,0** |
| **3** | **Chi phí phổ biến chính sách (4 Hội nghị hội thảo)** | **280.000.000,0** |
| **4** | **Chi phí kiểm tra, hậu kiểm:** chi phí xét nghiệm chỉ tiêu I-ôt, sắt, kẽm của cơ quan QLNN. Cả nước có khoảng 45 DN sản xuất bột mì và 72 DN sản xuất muối, ước trung bình mỗi năm mỗi DN muối và bột mì được kiểm định tối thiểu 4 loại sản phẩm, mỗi sản phẩm lấy 1 mẫu kiểm tra; Chi phí kiểm định chỉ tiêu vi chất với mỗi sản phẩm trung bình là 300.000đ/chỉ tiêu I-ốt; 150.000đ/chỉ tiêu sắt và 150.000đ/chỉ tiêu kẽm; chi phí nhân lực lồng ghép trong hoạt động kiểm tra chung nên giả định = 0 | **140.400.000,0** |
|  | **Tổng chi phí= 1+2+3+4** | **160.004.158.538,4** |

**Bảng 3: Tổng chi phí tăng cường vi chất dinh dưỡng theo Phương án 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chi phí** | **Số tiền** |
| **1** | **Chi phí tăng lên do tiêu thụ muối ăn có tăng cường vi chất toàn quốc trong 1 năm:** lượng muối ăn tiêu thụ bình quân đầu người theo nhóm tuổi/năm x chênh giá thành muối ăn tăng cường vi chất với muối ăn không tăng cường vi chất (200đ/1kg) x dân số theo các nhóm tuổi năm 2022 | **3.081.382.094,4** |
| **2** | **Chi phí xây dựng văn bản quy chuẩn kỹ thuật (1 văn bản)** | **128.083.636,0** |
| **3** | **Chi phí phổ biến chính sách (2 Hội nghị hội thảo)** | **140.000.000,0** |
| **4** | **Chi phí kiểm tra, hậu kiểm:** chi phí xét nghiệm chỉ tiêu iôt của cơ quan QLNN. Cả nước có 72 DN sản xuất muối, ước trung bình mỗi năm mỗi DN muối được kiểm định tối thiểu 2 loại sản phẩm muối ăn, mỗi sản phẩm lấy 1 mẫu kiểm tra; Chi phí kiểm định chỉ tiêu vi chất với mỗi sản phẩm trung bình là 300.000đ/chỉ tiêu I-ốt; chi phí nhân lực lồng ghép trong hoạt động kiểm tra chung nên giả định = 0 | **43.200.000,0** |
|  | **Tổng chi phí= 1+2+3+4** | **3.392.665.730,4** |

**TÓM TẮT THÔNG TIN CHI PHÍ – LỢI ÍCH CỦA CÁC PHƯƠNG ÁN CHÍNH SÁCH**

**1. Phương án 1**: Tăng cường vi chất dinh dưỡng vào muối và bột mì: (a) Muối dùng để ăn trực tiếp, dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường I-ốt; b) Bột mì dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường sắt và kẽm.

***1.1. Chi phí tăng cường vi chất dinh dưỡng***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chi phí** | **Số tiền (tỷ đồng)** |
| **Chi phí của doanh nghiệp** *(sẽ tính vào giá bán cho người dân)* | | |
| 1 | Chi phí tăng lên do tiêu thụ muối và bột mì có tăng cường vi chất toàn quốc trong 1 năm | 159,5 |
| *Bột mì* | *108,1* |
| *Muối* | *51,4* |
| **Chi phí của cơ quan quản lý nhà nước** | | |
| 2 | Chi phí xây dựng văn bản quy chuẩn kỹ thuật | 0,1 |
| 3 | Chi phí phổ biến chính sách | 0,3 |
| 4 | Chi phí kiểm tra, hậu kiểm | 0,1 |
| **Tổng chi phí** | | **160,0** |

***1.2. Lợi ích của chính sách tăng cường vi chất dinh dưỡng***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổn thất cho nền kinh tế (tỷ đồng)** | **Mức độ bao phủ can thiệp** | **Mức độ hiệu quả của can thiệp** | **Lợi ích kinh tế của can thiệp (tỷ đồng)** |
| **Thiếu sắt** | 365.222 | 41,1% | 7,2% | 10.796 |
| **Thiếu kẽm** | 2.969 | 41,1% | 15,6% | 191 |
| **Thiếu i- ôt** | 28.215 | 41,1% | 22,6% | 2.621 |
| **Tổng lợi ích** | | | | **13.608** |

***1.3. Tỷ số chi phí – lợi ích:*** CBR = 1:85,0

**2. Phương án 2**: Tăng cường I-ốt vào muối dùng để ăn trực tiếp.

***2.1. Chi phí tăng cường vi chất dinh dưỡng***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chi phí** | **Số tiền (tỷ đồng)** |
| **Chi phí của doanh nghiệp** | | |
| 1 | Chi phí tăng lên do tiêu thụ muối và bột mì có tăng cường vi chất toàn quốc trong 1 năm | 3,08 |
| *Bột mì* | *-* |
| *Muối* | *3,08* |
| **Chi phí của cơ quan quản lý nhà nước** | | |
| 2 | Chi phí xây dựng văn bản quy chuẩn kỹ thuật | 0,13 |
| 3 | Chi phí phổ biến chính sách | 0,14 |
| 4 | Chi phí kiểm tra, hậu kiểm | 0,04 |
| **Tổng chi phí** | | **3,39** |

***2.2. Lợi ích của chính sách tăng cường vi chất dinh dưỡng***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổn thất cho nền kinh tế (tỷ đồng)** | **Mức độ bao phủ can thiệp** | **Mức độ hiệu quả của can thiệp** | **Lợi ích kinh tế của can thiệp (tỷ đồng)** |
| **Thiếu sắt** | 365.222 | - | - | - |
| **Thiếu kẽm** | 2.969 | - | - | - |
| **Thiếu i- ôt** | 28.215 | 2,5% | 22,6% | 157 |
| **Tổng lợi ích** | | | | **157** |

***2.3. Tỷ số chi phí – lợi ích:*** CBR = 1: 46,3

**Phụ lục 2: Danh mục điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được rà soát và đánh giá tính tương thích.**

Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966 (International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights, viết tắt: ICESCR): quyền được tiếp cận lương thực an toàn, dinh dưỡng. Việt Nam phê chuẩn công ước vào năm 1982

**Phụ lục 3: Danh sách các công ty/ doanh nghiệp đã khảo sát và tình trạng tăng cường vi chất vào thực phẩm**

| **STT** | **Tên doanh nghiệp/ Công ty** | **Đặc điểm** | **Tình trạng tăng cường vi chất** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I.** | **Các DN sản xuất muối** | |  |
|  | Công Ty Cổ phần Muối Việt Nam | Là một trong những DN cung cấp muối chiếm thị phần lớn nhất trên cả nước, sản xuất, chế biến muối cung ứng cho toàn dân và có sản phẩm xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Nhà nước nắm cổ phần 65%. (DN sản xuất muối quy mô lớn) | * Có tăng cường iốt vào muối theo yêu cầu của khách hàng; * Sản phẩm của Công ty có các dạng thành phẩm: muối chế biến thực phẩm có tăng cường i-ốt: 100 tấn năm 2023; các loại muối cung cấp cho các DN chế biến thực phẩm khác 800 tấn/năm; * Muối sản xuất bột canh bán ra thị trường: có hoặc không có bổ sung i-ốt; Bột canh iốt khoảng 100 tấn/năm * Muối ăn xuất khẩu: không bổ sung i-ốt * Muối dùng trong xử lý nước: không bổ sung i-ốt |
|  | Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất muối iod Thành Phát | * Doanh nghiệp tư nhân quy mô nhỏ sản xuất, kinh doanh muối iốt (DN sx muối quy mô nhỏ) * DN thành lập năm 2010 với tên gọi DN tư nhân muối i-ốt Thành Phát, tiền thân trước đó là hộ kinh doanh muối (bao gồm cả muối thường và muối i-ốt) | * Sản lượng năm 2023 là 1.200 tấn (800 tấn muối ăn có tăng cường i-ốt, 300 tấn muối chế biến thực phẩm có tăng cường i-ốt, 100 tấn muối chế biến thực phẩm không tăng cường i-ốt) * 30% muối i-ốt là DN tự thực hiện trộn KIO3 vào muối, 70% còn lại là DN mua muối đã được trộn sẵn i-ốt và đóng gói thành phẩm |
| **II.** | **Các doanh nghiệp sản xuất bột mì** | |  |
|  | Công ty TNHH xay lúa mì Wilmar | Công ty Liên doanh, hiện cung cấp hơn 70 nhãn hiệu sản phẩm bột mỳ có tăng cường vi chất cho các khách hàng trong ngành sản xuất bánh kẹo, bánh mỳ, mỳ ăn liền, và các ngành chế biến có sử dụng bột mỳ khác; 700-800 tấn/ngày, đứng thứ 2 miền bắc sau Vima flour. Có xuất khẩu bột mỳ đến các nước có yêu cầu tăng cường vi chất. (DN sản xuất bột mì quy mô lớn) | * Tăng cường sắt và kẽm vào bột mì từ tháng 8/2018 và duy trì đến nay * Sản lượng đạt 700-800 tấn bột/ngày trong đó khoảng 650 tấn bột mì có tăng cường vi chất dinh dưỡng |
|  | Công ty cổ phần Việt Nam kỹ nghệ bột mì – VIKYBOMI | Công ty tư nhân với 3 nhà máy sản xuất bột mì, công suất 360.000 tấn/năm (1 nhà máy công suất 40.00-45.000 tấn/năm, 1 nhà máy công suất 50.000-60.000 tấn/năm, 1 nhà máy công suất đạt đến 300 tấn/ngày). Là DN sản xuất bột trộn sẵn lớn tại VN với > 300 chủng loại sản phẩm trộn sẵn – cung cấp cho các nhà máy trong và ngoài nước...(DN sản xuất bột mì quy mô trung bình) | Chưa tăng cường vi chất dinh dưỡng |
|  | Công ty bột mỳ Bình Đông | Là một công ty Nhà nước, thành viên của Tổng công ty Lương Thực Miền Nam (VINAFOOD II) thuộc Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn. Bình quân hàng năm cung cấp cho thị trường khoảng 20.000 tấn bột mì (DN sản xuất bột mì quy mô nhỏ) | Chưa tăng cường vi chất dinh dưỡng |
| **III.** | **Các doanh nghiệm chế biến thực phẩm sản xuất sản phẩm có sử dụng nguyên liệu là thực phẩm tăng cường VCDD** | |  |
|  | Công ty Cổ phần hàng tiêu dùng Masan | Công ty thuộc Tập đoàn Masan (một trong những công ty lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam) sản xuất đa dạng các loại sản phẩm có thị phần lớn trên thị trường hiện nay: sản xuất nước mắm (68,9% thị trường), nước tương (55,9% thị trường), mì ăn liền (28,4% thị trường). Sản phẩm của công ty được xuất khẩu đến nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Canada, Pháp, Liên bang Nga, Đức, và Trung Quốc... (DN quy mô lớn) | * Chưa sử dụng muối thực phẩm và bột mì tăng cường vi chất dinh dưỡng để chế biến thực phẩm tiêu dùng nội địa từ khi có Nghị định đến nay * Có thực hiện tăng cường KIO3 vào nước mắm xuất khẩu sang Thái Lan |
|  | Công ty cổ phần kỹ nghệ thực phẩm Việt Nam (VIFON) | * Doanh nghiệp tư nhân, sản xuất đa dạng các sản phẩm như bột canh, phở, bánh đa cua, hủ tiếu, cháo, mì ăn liền tương ớt,… . * Là 1 trong những DN lớn của ngành mì ăn liền VN (khoảng 20% thị trường sản phẩm ăn liền). Sản phẩm được xuất khẩu tới hơn 93 quốc gia, trong đó có những thị trường với yêu cầu rất khắt khe về chất lượng hàng hóa như Mỹ, Australia, Nhật, Hàn Quốc và Liên minh châu Âu. (DN quy mô lớn). 33% sản lượng mì ăn liền dành cho xuất khẩu, là DN có tỷ trọng xuất khẩu mì ăn liền lớn nhất Việt Nam * Là DN sản xuất bột canh hàng đầu ở miền Nam | ***Muối***   * Tháng 4/2017 – tháng 2/2018: DN sử dụng muối i-ôt trong chế biến thực phẩm. Từ tháng 3/2018 đến nay (tháng 7/2024), DN không sử dụng muối I-ôt để chế biến thực phẩm * Riêng bột canh, mỗi năm sản xuất 2000 tấn trong đó 9 tấn có tăng cường I-ốt. * Muối: có sản xuất muối có và không có I-ốt.   ***Bột mỳ***   * Sử dụng bột mỳ có tăng cường vi chất để sản xuất mỳ ăn liền |
|  | Công ty cổ phần Acecook Việt Nam | Thành viên của Tập đoàn Acecook Nhật Bản, là một trong những doanh nghiệp lớn của ngành mì ăn liền Việt Nam, chiếm 51,5% thị phần trong nước. Sản phẩm của công ty được xuất khẩu tới > 40 nước trên thế giới, trong đó có các nước như Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan, Úc,… Sản phẩm Mì xuất khẩu chiếm 10% tổng sản lượng mì (DN quy mô lớn) | Sử dụng muối thực phẩm và bột mì có tăng cường vi chất để chế biến thực phẩm |
|  | Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô | Công ty 100% vốn nước ngoài của Mỹ, sản xuất và kinh doanh đồ ăn nhẹ với các mặt hàng chính gồm các loại bánh quy, bánh mì tươi, bánh bông lan, bánh trung thu, Chocolate, kẹo cao su và các loại bánh kẹo khác mang thương hiệu địa phương và toàn cầu. Công ty có hệ thống phân phối trên 63 tỉnh thành và xuất khẩu sang 20 nước trên thế giới. | Từ cuối năm 2021 đến nay, DN đã sử dụng muối thực phẩm (có iôt) nhập khẩu từ Trung Quốc và bột mì tăng cường vi chất để chế biến thực phẩm |
|  | Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu | Một trong những Công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất bánh, kẹo, hạt nêm – bột canh. - Sản xuất bột canh iốt lớn thứ nhất ở miền Bắc (DN sản xuất bột canh quy mô lớn) | * Mỗi năm sản xuất 200 đến 300 tấn bột canh có tăng cường I-ốt, 30-50 tấn không tăng cường I-ốt * Chưa sử dụng bột mì tăng cường vi chất và muối iốt để chế biến thực phẩm (bánh, kẹo…) |
|  | Công ty TNHH Nước Giải Khát Coca Cola Việt Nam | Sản xuất đồ uống có sử dụng muối; là một trong những công ty nước giải khát hàng đầu tại Việt Nam, với 13 nhãn hàng phổ biến, trong đó có 2 nhãn hàng có thành phần là muối. DN sử dụng cốt sản phẩm được sản xuất ở nước ngoài theo công thức chung cho thị trường nhiều quốc gia trong khu vực | * DN sử dụng cốt sản phẩm được sản xuất ở nước ngoài theo công thức chung cho thị trường nhiều quốc gia trong khu vực * Chưa sử dụng muối tăng cường i-ốt |